TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/DS-ST
Ngày: 24/01/2019
"V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Long Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thảo;
2. Ông Nguyễn Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ngày 24 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2018 về việc *"Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-DS ngày 05/01/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **X,** sinh năm 1972; địa chỉ: 257/10 Đường Đ, Tổ 02, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh **N**, sinh năm 1985 và chị **M**, sinh năm 1988; địa chỉ: 257/17 Đường Đ, Tổ 02, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn bà X trình bày:

Bà X có cho vợ chồng anh N và chị M vay tiền trong 7 lần để làm ăn, tổng số tiền vợ chồng anh N và chị M đã mượn là 140.000.000đ, cụ thể từng lần là:

Vào tháng 12/2017 bà X có cho anh N và chị M vay 3 lần với tổng số tiền là 80.000.000đ; vào ngày 15/01/2018 anh N và chị M vay bà X 20.000.000đ; vào ngày 24/02/2018 anh N và chị M vay bà X 20.000.000đ; vào ngày 22/4/2018 anh N và chị M vay bà X 10.000.000đ; vào ngày 02/7/2018 anh N và chị M vay bà X 10.000.000đ;

Bà X đã đòi nợ nhiều lần nhưng chị M, anh N không chịu trả. Nay bà X yêu cầu anh N và chị M phải trả lại số tiền còn nợ là 140.000.000đ *(Một trăm bốn mươi triệu đồng)*.

Bà X không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay bị đơn chị M và anh N đều trình bày: thừa nhận từ năm 2017 đến tháng 7 năm 2018 anh N, chị M có vay của bà X với tổng số tiền là 140.000.000đ trong 7 lần như bà X đã trình bày. Bà X có đến đòi vợ chồng anh N, chị M nhiều lần nhưng vì do làm ăn thua lỗ, điều kiện kinh tế khó khăn không có tiền, nên vợ chồng anh N, chị M chưa trả được cho bà X số tiền còn nợ nói trên.

Nay bà X khởi kiện đòi khoản nợ 140.000.000đ này, anh N, chị M nhất trí thừa nhận là còn nợ, nhưng xin trả dần cho bà X số tiền còn nợ hàng tháng, mỗi tháng 2.500.000đ cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà X yêu cầu Toà án giải quyết buộc anh N, sinh năm 1985 và chị M, sinh năm 1988; địa chỉ: 257/17 Đường Đ, Tổ 02, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai phải trả số tiền còn nợ từ hợp đồng vay. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Xét nội dung tranh chấp tranh chấp thì thấy rằng: Nguyên đơn bà X và bị đơn anh N, chị M đều thừa nhận trong khoảng thời gian từ tháng 12/2017 đến tháng 7 năm 2018 bà X có cho bị đơn anh N và chị M vay tiền, do bà X đòi mà bị đơn không có tiền để trả nên bà X khởi kiện để đòi lại khoản tiền vay này. Do vậy, thời điểm các bên giao kết hợp đồng vay vào năm 2017, thời điểm này Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực pháp luật nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án là phù hợp.

[3] Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh N, chị M thừa nhận có vay và hiện còn nợ bà X 140.000.000đ như bà X khởi kiện, bà X có đòi nợ nhưng do làm ăn thua lỗ, kinh tế khó khăn anh N chị M chưa trả được cho bà X khoản tiền này, nên đây là vấn đề không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Tại phiên tòa hôm nay anh N, chị M đề nghị trả dần số tiền nợ 140.000.000đ cho bà X mỗi tháng 2.500.000đ/tháng cho đến khi hết nợ. Vấn đề này không được bà X đồng ý, bà X đề xuất phương án cho anh N và chị M thời gian tối đa là 01 tháng 15 ngày kể từ ngày 24/01/2019 phải trả cho chị Xuân hết khoản tiền 140.000.000đ; Do hai bên không thống nhất được thời gian và phương thức trả nợ, nên Hội đồng xét xử không thể chấp nhận yêu cầu được trả dần hàng tháng như bên bị đơn đề nghị, cần ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà X về

việc cho bị đơn khoản thời gian 01 tháng 15 ngày kể từ ngày xét xử (24/01/2018) bị đơn anh N chị M phải trả số tiền 140.000.000đ cho nguyên đơn.

[4] Về lãi suất và việc trả lãi: tại phiên tòa các bên không có yêu cầu về lãi nên không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2, 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn anh N và chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Toà án chấp nhận là 140.000.000 x 5% = 7.000.000đ.

Nguyên đơn bà X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X.

Buộc anh N và chị M trong thời gian 01 tháng 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/01/2019) phải trả hết cho bà X số tiền 140.000.000đ (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán với mức lãi suất theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu các bên không thỏa thuận thì mức lãi suất thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- *Về án phí*: Nguyên đơn bà X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà X tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.500.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007150 ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

Bị đơn anh N và chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng).

Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án (24/01/2019), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Long Sơn